

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2019/DS-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản và hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng;

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 517/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: số 589, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; Có mặt;

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Trương Ngọc B, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; Vắng mặt;

2.2 Bà Mai Thị Thùy T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án các nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết H trình bày: Vào năm 2014 và 2015 vợ chồng ông Trương Ngọc B và bà Mai Thị Thùy T có tham gia 02 dây hụi do bà làm chủ cụ

thể như sau:

* Dây thứ nhất khai ngày 15/8(Âl)/2014 vợ chồng ông B, bà T tham gia 01 chân hội 2.000.000đồng, gồm 26 hội viên. Hội khai đến lần thứ hai thì vợ chồng ông B, bà T hốt được số tiền 32.960.000đồng. Sau khi hốt xong thì vợ chồng ông B, bà T châu hội chết được 19 lần với số tiền 38.000.000đồng, còn lại 5 lần không châu nên bà H mới châu thay với số tiền là 10.000.000đồng. Vậy dây hội này vợ chồng ông B, bà T nợ số tiền 10.000.000đồng.

* Dây thứ hai khai ngày 10/02(Âl)/2015 âl, hội 3.000.000đồng, có tổng cộng 25 hội viên, bà T, ông B tham gia chân rưỡi (vì dây này bà T có chơi hùn với bà Lài nửa chân) chân hội khai đến lần thứ năm thì vợ chồng ông B, bà T hốt với số tiền 52.000.000đồng. Sau khi hốt xong bà T, ông B châu hội chết được 13 lần. Còn lại 11 lần không châu với số tiền 33.000.000đồng. Vậy chân hội này vợ chồng ông B, bà T nợ số tiền 33.000.000đồng.

Đối với nửa chân hội bà T, ông B hùn với bà Nguyễn Thị L hốt vào ngày 10/02(Âl)/2015 với số tiền 43.000.000đồng. Chân hội hùn này bà T, ông B phải châu hội chết số tiền là 1.500.000đồng. Nửa chân hội này còn nợ 11 lần không châu với số tiền 16.500.000đồng. Vậy chân hội này vợ chồng ông B, bà T nợ số tiền 16.500.000đồng.

Vào ngày 29/02/2016 bà T có mượn số tiền 20.000.000đồng mượn có làm biên nhận, lúc mượn có hứa 03 ngày sẽ trả lại. Nhưng đến ngày 07/3/2016 thì có trả được 15.000.000đồng. Còn lại 5.000.000đồng đến nay chưa trả.

Tổng cộng ông Trương Ngọc B và bà Mai Thị Thùy T còn nợ số tiền hội 59.500.000đồng và tiền mượn 5.000.000đồng. Tổng cộng 64.500.000đồng. Ngày 27/12(Âl)/2018 có trả được 1.000.000đồng còn lại 63.500.000đồng.

Bà H yêu cầu vợ chồng ông Trương Ngọc B và bà Mai Thị Thùy T trả lại số tiền 63.500.000đồng; không yêu cầu tính lãi.

Ông Trương Ngọc B và bà Mai Thị Thùy T đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải nhưng ông bà không gửi văn bản ghi ý kiến của ông về các yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị Tuyết H khởi kiện ông Trương Ngọc B và bà Mai Thị Thùy T tranh chấp về hợp đồng dân sự. Ông B, bà T có địa chỉ ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định;

[1.2] Ông Trương Ngọc B, bà Mai Thị Thùy T đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị Tuyết H là chủ hội có xác lập giao dịch hội, với các hội viên bằng danh sách hội trong đó có ông B và giấy mượn tiền. Hợp đồng lập thành văn bản; hợp đồng này xác lập trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên hợp đồng này hợp pháp. Theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền còn thiếu là 63.500.000đồng. Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp căn cứ vào biên nhận nợ và danh sách hội viên đã có cơ sở xác định bà T và ông B có nhận tiền và tham gia chơi hội với nhau. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ông B, bà T trả số tiền vay và tiền hội còn thiếu là có cơ sở phù hợp với Điều 29 Nghị định 144/2006/CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường và Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận.

[2.2] Bà Lê Thị Tuyết H không yêu cầu tính lãi nên hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 463 và 471 Bộ luật Dân sự;

Các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết H và xử như sau:

1) Buộc ông Trương Ngọc B, bà Mai Thị Thùy T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Tuyết H số tiền 63.500.000đồng (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

2) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Trương Ngọc B, bà Mai Thị Thùy T có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.175.000đồng (Bằng chữ: Ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Bà Lê Thị Tuyết H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.587.000đồng (Bằng chữ: Một triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai số 0013165 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Nguyễn Thanh Hùng